CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HVCSPT ngày tháng 07 năm 2024 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

NGÀNH ĐÀO TẠO : KINH TẾ QUỐC TẾ
MÃ SỐ : 72310106
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO : ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH : KINH TẾ ĐỐI NGOẠI (CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG ANH)

1. Mục tiêu

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân đại học ngành Kinh tế quốc tế, chuyên ngành Kinh tế đối ngoại, chương trình chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh cung cấp, đào tạo các cử nhân ra trường với nền kiến thức cơ bản, vững vàng về kinh tế - xã hội, quản lý và kiến thức chuyên môn về kinh tế quốc tế; có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm xã hội và sức khỏe tốt; có khả năng tư duy độc lập và năng lực tự tìm tòi, bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc; có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và sáng tạo. Chương trình kết hợp lý thuyết với thực hành cũng như đào tạo và rèn luyện các kỹ năng mềm, giúp người học sử dụng thành thạo ngoại ngữ tiếng Anh trong nghiên cứu, có tư duy hội nhập, có thể giải quyết được các vấn đề trong công việc trong các cơ quan và doanh nghiệp nhà nước, trong nước và quốc tế; có thể đáp ứng các nhu cầu nghề nghiệp trong các loại hình tổ chức kinh tế – xã hội đa dạng trong tương lai.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Các mục tiêu của chương trình đào tạo cử nhân đại học ngành Kinh tế quốc tế, chuyên ngành Kinh tế đối ngoại, chương trình chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh bao gồm:

+PO 1: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội; có lập trường tư tưởng chính trị, khoa học xã hội và nhân văn; nắm vững những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu biết về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Đồng thời cung cấp cho người học khả năng phân tích, đánh giá và nhìn nhận các vấn đề cơ bản đó trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng.

+PO 2: Trang bị cho người học kiến thức nền tảng và chuyên môn về kinh tế thế giới nói chung và các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh tế quốc tế, qua đó sinh viên: (i) thấy được vai trò và tầm quan trọng của các chủ thể này trong bối cảnh kinh tế quốc tế hiện nay; (ii) hiểu và đánh giá được tác động qua lại lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các quốc gia; (iii) có khả năng phân tích cơ sở và lợi ích của các quan hệ kinh tế quốc tế, bao gồm: thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, thị trường quốc tế, tài chính quốc tế, luật kinh tế quốc tế và những chính sách định hướng cho các quan hệ đó; (iv) nghiên cứu các hình thức và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến việc hoạch định chính sách kinh tế đối ngoại của các quốc gia, trong các tổ chức tư nhân và nhà nước.

+PO 3: 3: Cử nhân chuyên ngành Kinh tế quốc tế, chuyên ngành Kinh tế đối ngoại, chương trình chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh có khả năng vận dụng các kiến thức kinh tế, kinh doanh chuyên sâu và kỹ năng nghiệp vụ để đảm nhiệm tốt các công việc khác nhau trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế, ... tại các doanh nghiệp trong nước và quốc tế, tại các cơ quan quản lý

nhà nước hay tham gia quá trình tư vấn, hoạch định, đánh giá các chính sách kinh tế - kinh doanh tại các cơ quan nhà nước.

+PO 4: Trang bị các phương pháp thống kê, nghiên cứu, phương pháp luận, khả năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng thuyết trình, và tư duy khoa học, sáng tạo trong công việc... để người học tăng khả năng thích ứng với các vị trí công việc khác nhau trong tương lai. Chú trọng khả năng giao tiếp, trao đổi chuyên môn bằng tiếng Anh với các đồng nghiệp, đối tác; rèn luyện đức tính tự giác, kiên trì,năng lực tự học để đáp ứng nhu cầu và mục tiêu học tập các chương trình sau đại học.

+PO 5: Cử nhân Kinh tế quốc tế, chuyên ngành Kinh tế đối ngoại chương trình Chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần chủ động sáng tạo, nhiệt tình, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hợp tác trong thực hiện và tự chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ được giao; có phẩm chất chính trị; tuân thủ pháp luật của Nhà nước.

1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

Cử nhân chuyên ngành Kinh tế đối ngoại, chương trình chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và Tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

+ Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

+ Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

+ Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Kinh tế quốc tế với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

+ Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm liên quan đến lĩnh vực kinh tế quốc tế.

Đặc biệt, sau khi ra trường, sinh viên có thể đảm nhiệm một số vị trí việc làm như sau:

+ Chuyên viên phân tích kinh tế: Làm việc tại các tập đoàn đa quốc gia, tổ chức tài chính quốc tế, và viện nghiên cứu kinh tế.

+ Nhà tư vấn tài chính: Cung cấp các giải pháp tài chính cho doanh nghiệp và cá nhân, làm việc tại các công ty tư vấn tài chính hàng đầu.

+ Quản lý xuất nhập khẩu: Điều hành và quản lý các hoạt động xuất nhập khẩu tại các công ty thương mại quốc tế, hãng vận tải và logistic.

+ Chuyên viên phát triển thị trường: Phát triển các chiến lược kinh doanh, mở rộng thị trường tại các công ty đa quốc gia và tổ chức phi chính phủ.

+ Nhà quản lý dự án quốc tế: Quản lý và điều phối các dự án quốc tế tại các tổ chức phi chính phủ, cơ quan chính phủ và các công ty đa quốc gia.

+ Chuyên viên quan hệ quốc tế: Làm việc tại các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và các công ty có quan hệ hợp tác quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra:

2.1. Chuẩn đầu ra CTĐT.

A. Chuẩn đầu ra về kiến thức

A.1. Chuẩn đầu ra chung của ngành Kinh tế quốc tế

PLO 1.1: Nắm vững được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin và của Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu về thể chế nhà nước, quy trình và tác động của chính sách, vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

PLO 1.2: Hiểu và vận dụng tốt các quy luật của kinh tế thị trường, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào thực tiễn để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội, đưa ra các quyết định kinh doanh thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

PLO 1.3: Vận dụng được kiến thức cơ bản nền kinh tế nói chung và cách thức vận hành nền kinh tế thị trường nói riêng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

PLO 1.4: Vận dụng các kiến thức về nghiệp vụ trong thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, thanh toán quốc tế, quan hệ kinh tế quốc tế, vận tải…. vào việc tổ chức thực hiện trong thực tế.

A.2. Chuẩn đầu ra riêng của chuyên ngành

PLO 1.5: Hiểu và có kiến thức chuyên môn sâu về các lý thuyết, nguyên tắc, công cụ và các vấn đề phát sinh trong thương mại quốc tế, phân tích thị trường quốc tế, và vận dụng được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn kinh doanh quốc tế;

PLO 1.6: Vận dụng những kiến thức chuyên môn sâu về đầu tư quốc tế bao gồm các lý thuyết về dịch chuyển đầu tư quốc tế, các nguyên tắc, công cụ của đầu tư trực tiếp, gián tiếp nước ngoài, đánh giá, phân tích được và vận dụng được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn về lĩnh vực đầu tư quốc tế ở cấp độ quốc gia và doanh nghiệp;

PLO 1.7: Hiểu và có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh doanh quốc tế để tham gia vào quá trình phân tích, hoạch định chính sách kinh tế đối ngoại, kinh tế quốc tế; vào hoạt động quản lý liên quan đến lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế của quốc gia với các nước, khu vực, các tổ chức quốc tế; đưa ra các quyết định quản trị trong tổ chức tư nhân.

PLO 1.8: Nắm vững và có kiến thức chuyên môn về tài chính quốc tế quốc tế, các vấn đề tỷ giá, ngoại hối; có kiến thức chuyên môn về luật kinh tế và kinh doanh quốc tế, về đàm phán kinh tế quốc tế, đánh giá và phân tích, ứng dụng được các kiến thức này vào hỗ trợ, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn;

B. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

B.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO 2.1: Có kỹ năng tư duy chiến lược, tư duy quản trị, phân tích được thực tiễn và bối cảnh của tổ chức để vận dụng linh hoạt kiến thức vào các hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh.

B.2. Kỹ năng mềm

PLO 2.2: Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

PLO 2.3: Khả năng làm việc tại nhiều vị trí công tác và có kĩ năng, nghiệp vụ phù hợp vớ các vị trí việc làm hay môi trường làm việc trong các ngành nghề khác nhau trong lĩnh vực kinh tế quốc tế ở cả trong và ngoài nước.

C. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

PLO 3.1: Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; Tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân

PLO 3.2: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế, kinh tế quốc tế ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức.

2.2 Tiêu chí đánh giá (Ma trận PI)

CĐR của CTĐT (PLO)	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá
PLO 1.1: Nắm vững được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin và của Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu về thể chế nhà nước, quy trình và tác động của chính sách, vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN	PI 1.1.1	Trình bày được phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng HCM, vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn
	PI 1.1.2	Hiểu về thể chế Nhà nước; trình bày được quy trình xây dựng và thực thi chính sách. Phân tích được tình huống tác động của chính sách tới tình hình kinh tế xã hội tại Việt Nam.
PLO 1.2: Hiểu và ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào thực tiễn để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội, hỗ trợ đưa ra các quyết định kinh doanh hiệu quả, phù hợp.	PI 1.2.1	Nắm vững kiến thức toán, thống kê, phương pháp thống kê, nghiên cứu, vận dụng vào giải bài toán kinh tế, tìm điểm tối ưu trong kinh doanh
	PI 1.2.2	Nắm vững nguyên lý của kinh tế học, lý thuyết về kinh tế thị trường, vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Phân tích, bình luận được các tình huống kinh tế - xã hội.
PLO 1.3: Vận dụng được kiến thức cơ bản nền kinh tế nói chung và cách thức vận hành nền kinh tế thị trường nói riêng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.	PI 1.3.1	Hiểu các nguyên lý cơ bản, các thuật ngữ và khái niệm quan trọng trong lĩnh vực kinh tế.
	PI 1.3.2	Vận dụng kiến thức các thông tin kinh tế thị trường, áp dụng quy luật vận hành kinh tế thị trường để đưa ra các quyết định nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.
PLO 1.4: Vận dụng các kiến thức về nghiệp vụ trong thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, thanh toán quốc tế, quan hệ kinh tế quốc tế, vận tải …. vào việc tổ chức thực hiện trong thực tế.	PI 1.4.1	Hiểu về các nghiệp vụ chuyên môn trong thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, thanh toán quốc tế, quan hệ kinh tế quốc tế, vận tải…
	PI 1.4.2	Vận dụng các kiến thức lý thuyết về nghiệp vụ vào tổ chức thực hiện trong thực tế.

PLO 1.5: Hiểu và có kiến thức chuyên môn sâu về các lý thuyết, nguyên tắc, công cụ và các vấn đề phát sinh trong thương mại quốc tế, phân tích thị trường quốc tế, và vận dụng được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn kinh doanh quốc tế;	PI 1.5.1	Nắm vững những kiến thức lý thuyết chuyên môn sâu về thương mại quốc tế, phân tích thị trường quốc tế.
	PI 1.5.2	Vận dụng được kiến thức chuyên môn về thương mại quốc tế vào đánh giá, phân tích và đưa ra các quyết định về các vấn đề trong thực tiễn về lĩnh vực thương mại, kinh doanh quốc tế.
PLO 1.6: Vận dụng những kiến thức chuyên môn sâu về đầu tư quốc tế bao gồm các lý thuyết về dịch chuyển đầu tư quốc tế, các nguyên tắc, công cụ của đầu tư trực tiếp, gián tiếp nước ngoài, đánh giá, phân tích được và vận dụng được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn về lĩnh vực đầu tư quốc tế ở cấp độ quốc gia và doanh nghiệp;	PI 1.6.1	Nắm vững và có kiến thức chuyên môn về đầu tư quốc tế quốc tế, bao gồm các các lý thuyết về dịch chuyển đầu tư quốc tế, các nguyên tắc, công cụ của đầu tư trực tiếp, gián tiếp nước ngoài.
	PI 1.6.2	Vận dụng các kiến thức chuyên môn đầu tư quốc tế vào việc phân tích, đanh giá và đưa ra quyết định nhằm giải quyết các vấn đề trong thực tiễn về lĩnh vực đầu tư quốc tế ở cấp độ quốc gia và doanh nghiệp.
PLO 1.7: Hiểu và có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh doanh quốc tế để tham gia vào quá trình phân tích, hoạch định chính sách kinh tế đối ngoại, kinh tế quốc tế; vào hoạt động quản lý liên quan đến lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế của quốc gia với các nước, khu vực, các tổ chức quốc tế; đưa ra các quyết định quản trị trong tổ chức tư nhân.	PI 1.7.1	Hiểu và có kiến thức chuyên môn sâu về các khía cạnh của hoạt động kinh doanh quốc tế, quan hệ kinh tế quốc tế và các kiến thức chuyên môn về quản trị tổ chức.
	PI 1.7.2	Có khả năng vận dụng, đánh giá, phân tích, hoạch định chính sách kinh tế đối ngoại, kinh tế quốc tế, có thể tham gia quản lý hoạt động của các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh quốc tế.
PLO 1.8: Nắm vững và có kiến thức chuyên môn về tài chính quốc tế quốc tế, các vấn đề tỷ giá, ngoại hối; có kiến thức chuyên môn về luật kinh tế và kinh doanh quốc tế, về đàm phán kinh tế quốc tế, đánh giá và phân tích, ứng dụng được các kiến thức này vào hỗ trợ, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn;	PI 1.8.1	Hiểu và có kiến thức chuyên môn về các khía cạnh tài chính quốc tế, luật kinh tế và kinh doanh quốc tế, đàm phán quốc tế.
	PI 1.8.2	Đánh giá và phân tích, ứng dụng được các kiến thức tài chính quốc tế, luật kinh tế và kinh doanh quốc tế, đàm phán quốc tế vào hỗ trợ, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn;

PLO 2.1: Khả năng làm việc tại nhiều vị trí công tác và có kĩ năng, nghiệp vụ phù hợp vớ các vị trí việc làm hay môi trường làm việc trong các ngành nghề khác nhau trong lĩnh vực kinh tế quốc tế ở cả trong và ngoài nước.	PI 2.1.1	Hiểu và áp dụng các quy định, quy trình và phương pháp nghiệp vụ trong các lĩnh vực kinh doanh quốc tế; có khả năng giải quyết các vấn đề thực tế, xử lý tài liệu, và thực hiện các hoạt động liên quan đến kinh tế, kinh doanh, chính sách, quản lý.
	PI 2.1.2	Hiểu biết về các quy tắc, quy định và thực tiễn kinh doanh trong các nước khác nhau; có khả năng thích nghi với sự đa dạng văn hóa và phong cách làm việc của các quốc gia khác nhau; có khả năng làm việc trong các công ty đa quốc gia, đối tác tài chính quốc tế và tổ chức quốc tế.
PLO 2.2: Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	PI 2.2.1	Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đáp ứng yêu cầu công việc
	PI 2.2.1	Sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
PLO 2.3: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.	PI 2.3.1	Có kiến thức về nghiên cứu khoa học: hình thành được ý tưởng, vấn đề, mục tiêu, câu hỏi và giả thuyết; hình thức và cấu trúc đề cương của một đề tài nghiên cứu
	PI 2.3.2	Biết cách làm việc nhóm và thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.
PLO 3.1: Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; Tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân	PI 3.1.1	Có phẩm chất chính trị, sức khoẻ tốt, lối sống lành mạnh, có trách nhiệm xã hội, tuân thủ các quy tắc của tổ chức và đạo đức nghề nghiệp.
	PI 3.1.2	Tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân.

PLO 3.2: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế, kinh tế quốc tế ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức.	PI 3.2.1	Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó, tinh thần tự chịu trách nghiệm, thái độ hợp tác và sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.
	PI 3.2.2	Biết cách sử dụng các công cụ quản lý để từ đó có thể quyết định quản lý và có tư duy lãnh đạo tổ chức.

3. Ma trận liên kết giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT

Ký hiệu CĐR	CĐR của chương trình đào tạo	Mục tiêu CTĐT				
		PO1	**PO2**	**PO3**	**PO4**	**PO5**
PLO 1.1	Nắm vững được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin và của Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu về thể chế nhà nước, quy trình và tác động của chính sách, vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN					X
PLO 1.2	Hiểu và ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào thực tiễn để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội, hỗ trợ đưa ra các quyết định kinh doanh hiệu quả, phù hợp	X				X
PLO 1.3	Vận dụng được kiến thức cơ bản nền kinh tế nói chung và cách thức vận hành nền kinh tế thị trường nói riêng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.	X	X	X		
PLO 1.4	Vận dụng các kiến thức về nghiệp vụ trong thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, thanh toán quốc tế, quan hệ kinh tế quốc tế, vận tải …. vào việc tổ chức thực hiện trong thực tế.					X
PLO 1.5	Hiểu và có kiến thức chuyên môn sâu về các lý thuyết, nguyên tắc, công cụ và các vấn đề phát sinh trong thương mại quốc tế, phân tích thị trường quốc tế, và vận dụng được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn kinh doanh quốc tế;		X	X		
PLO 1.6	Vận dụng những kiến thức chuyên môn sâu về đầu tư quốc tế bao gồm các lý thuyết về dịch chuyển đầu tư quốc tế, các nguyên tắc, công cụ của đầu tư trực tiếp, gián tiếp nước ngoài, đánh giá, phân tích được và vận dụng		X	X		

	được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn về lĩnh vực đầu tư quốc tế ở cấp độ quốc gia và doanh nghiệp;					
PLO 1.7	Hiểu và có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh doanh quốc tế để tham gia vào quá trình phân tích, hoạch định chính sách kinh tế đối ngoại, kinh tế quốc tế; vào hoạt động quản lý liên quan đến lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế của quốc gia với các nước, khu vực, các tổ chức quốc tế; đưa ra các quyết định quản trị trong tổ chức tư nhân		X	X		
PLO 1.8	Nắm vững và có kiến thức chuyên môn về tài chính quốc tế quốc tế, các vấn đề tỷ giá, ngoại hối; có kiến thức chuyên môn về luật kinh tế và kinh doanh quốc tế, về đàm phán kinh tế quốc tế, đánh giá và phân tích, ứng dụng được các kiến thức này vào hỗ trợ, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn;		X	X		
PLO 2.1	Có kỹ năng tư duy chiến lược, tư duy quản trị, phân tích được thực tiễn và bối cảnh của tổ chức để vận dụng linh hoạt kiến thức vào các hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh.		X	X	X	
PLO 2.2	Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.				X	
PLO 2.3	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.				X	X
PLO 3.1	Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; Tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân.					X

PLO 3.2	Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế, kinh tế quốc tế ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức.	X			X	X

4. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Chuẩn đầu ra CTĐT												
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 1.6	PLO 1.7	PLO 1.8	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 3.1	PLO 3.2
1. Kiến thức giáo dục đại cương																
1	THML04	Triết học Mác-Lênin	3	3											x	
2	THKT05	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	3											x	
3	THĐL04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	3											x	
4	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3											x	
5	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3											x	
6	TOCC03	Toán cao cấp 1	3		3									x	x	
7	TOCC02	Toán cao cấp 2	3		3									x	x	
8	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		3										x	
9	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		3		2					x		x		
10	TOĐC06	Tin học đại cương	3				3					x		x	x	
11	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	3					2					x	x	
12	GDTC08	Giáo dục thể chất 1 *	2												x	
13	GDTC06	Giáo dục thể chất 2 *	2												x	
14	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2												x	
15	NNIL1.1	Tiếng Anh IELTS 1.1	6												x	
16	NNIL1.2	Tiếng Anh IELTS 1.2	6									x			x	
17	NNIL1.3	Tiếng Anh IELTS 1.3	6									x			x	
18	NNIL1.4	Tiếng Anh IELTS 1.4	6									x			x	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
2.1. Kiến thức cơ sở ngành																

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Chuẩn đầu ra CTĐT												
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 1.6	PLO 1.7	PLO 1.8	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 3.1	PLO 3.2
2.1.1. Cở sở ngành bắt buộc																
1	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2			3						x	x		x	
2	TOKT05	Kinh tế lượng	3			3					3		x		x	
3	CLCMA02	Kinh tế vĩ mô 2	3			3					3	x		x	x	
4	CLCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3						3			x		x	x	
5	CLCMR24	Marketing căn bản	3					3			3	x	x	x	x	
6	CLCKT21	Nguyên lý kế toán	3						3			x		x	x	
7	LUQT03	Pháp luật kinh tế	4							3				x	x	
8	CLCTC18	Tài chính doanh nghiệp	3						3			x	x		x	
9	CLCMI01	Kinh tế vi mô 1	3			2						x	x		x	
10	CLCMA01	Kinh tế vĩ mô 1	3			2						x	x		x	
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn																
1	CLCDT19	Nguyên lý đầu tư	3					3			3	x		x	x	
2	CLCCL06	Quản trị chiến lược	3				3	3				x		x	x	
3	CLCHO10	Quản trị học	3					3				x		x	x	
4	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3					3			3		x		x	
5	CLCHV12	Giới thiệu về hành vi tổ chức	2					3					x	x	x	
6	CLCQH15	Quan hệ công chúng	3								3		x	x	x	
7	CLCTT11	Nguyên lý hệ thống thông tin	3	2									x		x	
2.2. Kiến thức ngành																
2.2.1. Ngành bắt buộc																
1	CLCTM04	Thương mại quốc tế	3				3				3	x	x	x	x	

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Chuẩn đầu ra CTĐT												
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 1.6	PLO 1.7	PLO 1.8	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 3.1	PLO 3.2
2	CLCTT05	Thanh toán quốc tế	3						3		3	x	x	x	x	
3	CLCKD17	Giới thiệu về Kinh doanh	3					3			3	x	x	x	x	
4	CLCDT09	Đầu tư quốc tế	3				3				3	x	x		x	
2.2.2. Ngành tự chọn																
1	CLCTM04	Quản trị nhân lực	3					3				x		x	x	
2	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3								3		x	x	x	
3	LUKT33	Luật kinh doanh và thương mại quốc tế	3							3	3		x	x	x	
4	CLCCU07	Quản trị chuỗi cung ứng	3				3			3	3	x	x	x	x	
5	CLCKH13	Phân tích và Dự báo Kinh tế vĩ mô	3			3						3	x	x	x	
2.3. Kiến thức chuyên ngành																
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc																
1	CLCLV14	Logistic và vận tải quốc tế	3			3			3	3	4	x	x	x	x	
2	CLCKT20	Kế toán tài chính	3					3	4	3	3	x	x	x	x	
3	CLCMR01	Marketing quốc tế	3				3	4			4	x	x	x	x	
4	CLCTC22	Tài chính quốc tế	3				3		4		3		x	x	x	
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn																
1	CLCDP08	Đàm phán	3							4	3		x	x	x	
2	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3					4			3				x	
3	KTKD15	Thương mại điện tử và Kinh tế số	3				4				3	x		x	x	
4	CLCKT13	Kế toán quốc tế	3						4		3				x	
5	CLCTH16	Thuế và hệ thống thuế	3							4	3	x	x	x	x	

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Chuẩn đầu ra CTĐT												
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 1.6	PLO 1.7	PLO 1.8	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 3.1	PLO 3.2
2.4. Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp																
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4			3	4	4	3	3	4	x	x	x	x	x
2	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp	6			3	4	4	3	3	4	x	x	x	x	x
3	CLCTN02	Quản trị tài chính quốc tế	3				3	3	4		4	x	x	x	x	x
4	CLCTN03	Quản trị Marketing quốc tế	3					4			4	x	x	x	x	x

5. Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm

6. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 132 tín chỉ (Không tính GDTC và GDQP)

7. Đối tượng tuyển sinh Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy

8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo và Quy chế đào tạo đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định của Học viện

9. Thang điểm: Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

10. Cấu trúc kiến thức của Chương trình đào tạo:

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (Không bao gồm GDTC&QP)	**50**	**14**	**37.9**
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	**82**	**26 (Hình thức KLTN) 27 (Hình thức TTTN)**	**62.1**
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	**36**	**12**	**27.3**
2.1.1 Cơ sở ngành bắt buộc	*30*	*10*	*22.7*
2.1.2 Cơ sở ngành tự chọn	*06*	*2*	*4.5*
2.2. Kiến thức ngành	**18**	**6**	**13.6**
2.2.1 Ngành bắt buộc	*12*	*4*	*9.1*
2.2.2 Ngành tự chọn	*06*	*2*	*4.5*
2.3. Kiến thức chuyên ngành	**18**	**6**	**13.6**
2.3.1 Chuyển ngành bắt buộc	*12*	*4*	*9.1*
2.3.2 Chuyên ngành tự chọn	*06*	*2*	*4.5*
2.4. Thực tập và Tốt nghiệp	**10**	**2 (Hình thức KLTN) 3 (Hình thức TTTN)**	**7.6**
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC&QP)	**132**	**40 (Hình thức KLTN) 41 (Hình thức TTTN)**	**100%**

11. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ
1	**Giáo dục đại cương**		**50**	
1	THML04	Triết học Mác-Lênin	3	1
2	THKT05	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2
3	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3
4	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
5	THĐL04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	4
6	TOCC03	Toán cao cấp 1	3	1
7	TOCC02	Toán cao cấp 2	3	2
8	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3
9	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	5
10	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
11	NNIL1.1	Tiếng Anh IELTS 1.1	6	1
12	NNIL1.2	Tiếng Anh IELTS 1.2	6	2
13	NNIL1.3	Tiếng Anh IELTS 1.3	6	2
14	NNIL1.4	Tiếng Anh IELTS 1.4	6	3
2	**Giáo dục quốc phòng**		**8**	
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng *	8	4
3	**Giáo dục thể chất**		**6**	
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1 *	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2 *	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
4	**Cơ sở ngành (Bắt buộc)**		**30**	
1	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	6
2	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
3	CLCMA02	Kinh tế vĩ mô 2	3	6
4	CLCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	5
5	CLCMR24	Marketing căn bản	3	4
6	CLCKT21	Nguyên lý kế toán	3	3
7	LUQT03	Pháp luật kinh tế	4	2

8	CLCTC18	Tài chính doanh nghiệp	3	5
9	CLCMI01	Kinh tế vi mô 1	3	3
10	CLCMA01	Kinh tế vĩ mô 1	3	4
5	**Cơ sở ngành (Lựa chọn 6 tín chỉ)**		**6**	
1	CLCDT19	Nguyên lý đầu tư	3	6
2	CLCCL06	Quản trị chiến lược	3	6
3	CLCHO10	Quản trị học	3	6
4	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	6
5	CLCHV12	Giới thiệu về hành vi tổ chức	3	6
6	CLCQH15	Quan hệ công chúng	3	6
7	CLCTT11	Nguyên lý hệ thống thông tin	3	6
6	**Kiến thức ngành (Bắt buộc)**		**12**	
1	CLCTM04	Thương mại quốc tế	3	6
2	CLCTT05	Thanh toán quốc tế	3	6
3	CLCKD17	Giới thiệu về Kinh doanh	3	3
4	CLCDT09	Đầu tư quốc tế	3	7
7	**Kiến thức ngành (Lựa chọn 6 tín chỉ)**		**6**	
1	QTNL03	Quản trị nhân lực	3	7
2	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	7
3	LUKT33	Luật kinh doanh và thương mại quốc tế	3	4
4	CLCCU07	Quản trị chuỗi cung ứng	3	7
5	CLCKH13	Phân tích và Dự báo Kinh tế vĩ mô	3	
8	**Chuyên ngành bắt buộc**		**12**	
1	CLCLV14	Logistic và vận tải quốc tế	3	7
2	CLCKT20	Kế toán tài chính	3	4
3	CLCMR01	Marketing quốc tế	3	5
4	CLCTC22	Tài chính quốc tế	3	7
9	**Chuyên ngành (Lựa chọn 6 tín chỉ)**		**6**	
1	CLCDP08	Đàm phán	3	7
2	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3	7
3	KTKD15	Thương mại điện tử và Kinh tế số	3	5
4	CLCKT13	Kế toán quốc tế	3	7

5	CLCTH16	Thuế và hệ thống thuế	3	7
10	**Thực tập và khóa luận tốt nghiệp**		**10**	
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp**	6	8
3	CLCTN02	Quản trị tài chính quốc tế	3	8
4	CLCTN03	Quản trị Marketing quốc tế	3	8
TỔNG (Không bao gồm GDTC&QP)			**132**	

Ghi chú:

(*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

(**) Tùy kết quả học tập mà sinh viên sẽ làm KLTN mục 2 hoặc học 2 môn thay thế ở mục 3 và 4.

12. Đối sánh CTĐT khác

Mã HP	Tên học phần	CT1	CT2	CT3
THML04	Triết học Mác-Lênin	c	c	
THKT05	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	c	c	
THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	c	c	
THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	c	c	
THĐL04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	c	c	
TOCC03	Toán cao cấp 1	c	c	c
TOCC02	Toán cao cấp 2	c	c	c
TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	c	c	c
PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	c	c	c
TOĐC06	Tin học đại cương	c	c	
NNIL1.1	Tiếng Anh IELTS 1.1	c	c	
NNIL1.2	Tiếng Anh IELTS 1.2	c	c	
NNIL1.3	Tiếng Anh IELTS 1.3	c	c	
NNIL1.4	Tiếng Anh IELTS 1.4	c	c	
CLCMI01	Kinh tế vi mô 1	c	c	c
CLCMA01	Kinh tế vĩ mô 1	c	c	c
GDQP02	Giáo dục quốc phòng *	c	c	
GDTC08	Giáo dục thể chất 1 *	c	c	
GDTC06	Giáo dục thể chất 2 *	c	c	
GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	c		
QLCD01	Chuyên đề thực tế	c	c	c
TOKT05	Kinh tế lượng	c	c	c
CLCMA02	Kinh tế vĩ mô 2	c	c	c
CLCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	c	c	
CLCMR24	Marketing căn bản	c	c	

CLCKT21	Nguyên lý kế toán	c	c	c
LUQT03	Pháp luật kinh tế	c	c	
CLCTC18	Tài chính doanh nghiệp	c	c	c
CLCDT19	Nguyên lý đầu tư	x	x	
CLCCL06	Quản trị chiến lược		x	c
CLCHO10	Quản trị học	c	c	c
TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư		x	
CLCHV12	Giới thiệu về hành vi tổ chức	x	x	x
CLCQH15	Quan hệ công chúng		x	x
CLCTT11	Nguyên lý hệ thống thông tin			c
CLCTM04	Thương mại quốc tế	c	c	c
CLCTT05	Thanh toán quốc tế	c	c	
CLCKD17	Giới thiệu về Kinh doanh			c
CLCDT09	Đầu tư quốc tế		c	
QTNL03	Quản trị nhân lực			x
ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	c		
LUKT33	Luật kinh doanh và thương mại quốc tế	c	c	
CLCCU07	Quản trị chuỗi cung ứng	c	c	
CLCKH13	Phân tích và Dự báo Kinh tế vĩ mô		x	x
CLCLV14	Logistic và vận tải quốc tế	c	c	
CLCKT20	Kế toán tài chính	c	c	c
CLCMR01	Marketing quốc tế	c	c	c
CLCTC22	Tài chính quốc tế	c	c	
CLCDP08	Đàm phán	c	c	
QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1			x
KTKD15	Thương mại điện tử và Kinh tế số	c	c	
CLCKT13	Kế toán quốc tế			x
CLCTH16	Thuế và hệ thống thuế		c	
TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	c	c	c
KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp	c	c	c
CLCTN02	Quản trị tài chính quốc tế			c
CLCTN03	Quản trị Marketing quốc tế	x	x	

Ghi chú:

- CT1: Chương trình CLC Kinh tế đối ngoại Trường Đại học Ngoại thương
- CT2: Chương trình CLC Kinh tế kinh doanh quốc tế Trường Đại học Kinh tế quốc dân
- CT3: Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế Đối ngoại tại Trường Quản trị (School of Management), Đại học Purdue (Purdue University), Hoa Kỳ.
- c: Học phần có nội dung gần
- x: Học phần có nội dung tương thích

13. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Học viện đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Khi sinh viên hoàn thành trình độ năm thứ nhất, nếu đạt các điều kiện theo yêu cầu của *Quy định sinh viên đại học hệ chính quy học cùng lúc hai chương trình đào tạo tại Học viện Chính sách và Phát triển* sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của Học viện.

- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được chuẩn đầu ra (CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

VIỆN TRƯỞNG	**GIÁM ĐỐC**
PGS TS Đào Hoàng Tuấn	**PGS TS Trần Trọng Nguyên**